

Số: ~~118~~/BC-SCT

Quảng Trị, ngày 25 tháng 10 năm 2016

**BÁO CÁO**  
**TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP, THƯƠNG MẠI**  
**THÁNG 10 NĂM 2016**

**I. Tình hình sản xuất công nghiệp và kinh doanh thương mại:**

**1. Lĩnh vực sản xuất công nghiệp:**

**1.1. Chỉ số, giá trị sản xuất công nghiệp:**

Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) tháng 10/2016 ước tính giảm 1,56% so với tháng trước. Nguyên nhân chủ yếu là do ngành công nghiệp chế biến, chế tạo giảm (-2,89%). Ngành sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước, điều hòa không khí tăng 5,39%; ngành công nghiệp khai khoáng và ngành cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải có mức tăng lần lượt là 0,96% và 1,13%.

Tính chung 10 tháng năm 2016, chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) ước tăng 9,31% so với cùng kỳ năm 2015 (10 tháng đầu năm 2015 tăng 12,62%); Trong đó: Công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 10,83%; sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí tăng 7,4%; cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 4,43%. Riêng công nghiệp khai khoáng giảm 1,32% so với cùng kỳ năm trước.

**1.2. Sản phẩm công nghiệp chủ yếu:**

Trong tháng 10/2016, một số sản phẩm công nghiệp chủ yếu có mức tăng cao so với tháng cùng kỳ năm trước như: Ván ép tăng 96,39%; lốp xe các loại tăng 22,33%; bia dạng lon tăng 22,21%; nước hoa quả, tăng lực tăng 21,95%; điện thương phẩm tăng 21,62%; sắn xe các loại tăng 14,23%; quặng inmenit và tinh quặng inmenit tăng 11,58%; gỗ bào, gỗ dăm tăng 11,07%. Bên cạnh đó, một số sản phẩm chững lại và giảm như: Phân bón NPK giảm 34,45%; colophan, axit nhựa cây và các dẫn xuất giảm 34,02%; gỗ cưa, gỗ xẻ giảm 28,84%; dầu nhựa thông giảm 15,59%; điện sản xuất giảm 9,8%; xi măng giảm 9,24%; tấm lợp pro xi măng giảm 0,13% so với tháng cùng kỳ năm trước.

**2. Lĩnh vực thương mại và xuất nhập khẩu:**

**2.1 Lĩnh vực thương mại:**

Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tháng 10/2016 ước đạt 1813,02 tỷ đồng, tăng 2,28% so với tháng trước và tăng 5,47% so với tháng cùng kỳ năm trước. Trong đó: Doanh thu bán lẻ hàng hóa ước đạt 1532,47 tỷ đồng, tăng 2,64% so với tháng trước và tăng 5,84% so với tháng cùng kỳ năm trước; doanh thu dịch vụ lưu trú, ăn uống ước đạt 194,45 tỷ đồng,

tăng 2,01% so với tháng trước và tăng 2,63% so với tháng cùng kỳ năm trước; doanh thu du lịch lữ hành ước đạt 1,2 tỷ đồng, giảm 19,87% so với tháng trước và tăng 1,8% so với tháng cùng kỳ năm trước; doanh thu dịch vụ khác ước đạt 84,9 tỷ đồng, tăng 0,12% so với tháng trước và tăng 5,54% so với tháng cùng kỳ năm trước.

Sự cố môi trường biển đã ảnh hưởng lớn đến tình hình tiêu dùng và du lịch của địa phương. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ 10 tháng đầu năm 2016 ước đạt 17.809,78 tỷ đồng, tăng 6,95% so với cùng kỳ năm trước, tuy nhiên chỉ đạt 71,8% so với kế hoạch năm 2016. Trong đó, doanh thu bán lẻ hàng hóa ước đạt 15.157,94 tỷ đồng, tăng 7,52%; dịch vụ lưu trú, ăn uống ước đạt 1.853,81 tỷ đồng, tăng 2,92%; dịch vụ lữ hành và hoạt động hỗ trợ du lịch 28,58 tỷ đồng, tăng 2,16%; doanh thu dịch vụ khác ước đạt 796,45 tỷ đồng, tăng 6,07% so với cùng kỳ năm trước.

## **2.2. Hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu:**

### **2.2.1. Xuất khẩu:**

Kim ngạch xuất khẩu hàng hóa tháng 10/2016 ước đạt 23,458 triệu USD, tăng 11,05% so với tháng trước và tăng 0,67% so với cùng kỳ năm trước. Một số mặt hàng xuất khẩu chủ yếu như: Gỗ ước đạt 10,66 triệu USD; hàng rau quả ước đạt 2,7 triệu USD; tinh bột sắn ước đạt 2,234 triệu USD; phương tiện vận tải và phụ tùng ước đạt 7,282 triệu USD.

Kim ngạch xuất khẩu hàng hoá trong 10 tháng năm 2016 ước đạt 187,24 triệu USD, tăng 5,83% so với cùng kỳ năm trước và đạt 86,3% so với kế hoạch năm 2016.

### **2.2.2. Nhập khẩu:**

Kim ngạch nhập khẩu tháng 10/2016 ước đạt 4,497 triệu USD, tăng 1,86% so với tháng trước và giảm 85,18% so với tháng cùng kỳ năm trước. Một số mặt hàng nhập khẩu chủ yếu như: hàng rau quả ước đạt 3,08 triệu USD; gỗ và sản phẩm từ gỗ ước đạt 0,105 triệu USD.

Do Chính phủ Lào đóng cửa rừng, nguồn gỗ nhập giảm mạnh; Hoạt động nhập khẩu trong 10 tháng năm 2016, ước đạt 72,65 triệu USD, giảm 56,77% so với cùng kỳ năm trước, đạt 30,3% so với kế hoạch năm 2016.

## **3. Chỉ số giá tiêu dùng:**

Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 10/2016 có mức tăng mạnh (3,26%) so tháng trước, đây là tháng có chỉ số giá tăng mạnh nhất so với các tháng từ đầu năm đến nay. Nguyên nhân chủ yếu là do nhóm hàng thuốc và dịch vụ y tế được điều chỉnh tăng cao (+86,23%); nhóm hàng giao thông tăng 1,74%. Trong tháng, ngoại trừ nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống giảm 0,37%, thì các nhóm hàng còn lại không tăng, không giảm.

Nhìn chung, chỉ số giá tiêu dùng tháng 10/2016 tăng 6,09% so với tháng 12 năm trước và tăng 6,2% so với tháng cùng kỳ năm trước. Chỉ số giá tiêu dùng bình quân 10 tháng đầu năm 2016, tăng 2,22% so với bình quân cùng kỳ năm trước.

## II. Công tác quản lý nhà nước trên lĩnh vực công thương

- Phối hợp Sở Kế hoạch & Đầu tư đề xuất các nội dung liên quan thuộc Chương trình Xúc tiến đầu tư năm 2017; Báo cáo Bộ Công Thương, UBND tỉnh tình hình thực hiện kế hoạch phát triển ngành Công Thương năm 2016 và kế hoạch triển khai nhiệm vụ năm 2017; Báo cáo tình hình thực hiện Nghị quyết 35/NQ-CP về hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp đến năm 2020.

- Hoàn chỉnh và trình Sở Xây dựng thẩm định Quy định quản lý theo Đồ án Quy hoạch chung xây dựng Khu Kinh tế Đông Nam Quảng Trị<sup>1</sup>. Trình UBND tỉnh kế hoạch tổ chức Hội nghị công bố, công khai Đồ án Quy hoạch<sup>2</sup>.

- Tiếp thu ý kiến tham gia và hoàn chỉnh Đề án Quy hoạch phát triển điện lực tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2016-2025; Hoàn chỉnh và trình thẩm định Quy hoạch thăm dò, khai thác, sử dụng khoáng sản tỉnh đến năm 2020; Chuẩn bị nội dung và tham gia Đoàn giám sát của HĐND tỉnh về tình hình thực hiện quy hoạch thăm dò, khai thác, sử dụng khoáng sản của tỉnh.

- Hoàn chỉnh và gửi Sở Tư pháp thẩm định Dự thảo Quyết định phân cấp quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm thuộc trách nhiệm quản lý của ngành Công Thương trên địa bàn tỉnh.

- Chuẩn bị nội dung, tổ chức Hội nghị giới thiệu mô hình áp dụng sản xuất sạch hơn tại Công ty Cổ phần Bình Điền Quảng Trị; Tổ chức họp triển khai 02 đề tài khoa học công nghệ năm 2016 do UBND tỉnh giao<sup>3</sup>.

- Tham mưu UBND tỉnh chỉ đạo tiếp tục đẩy mạnh hoạt động khuyến công và tăng cường năng lực Trung tâm khuyến công; Tiếp tục nghiệm thu đề án khuyến công tỉnh đợt 1 năm 2016; Tổ chức kiểm tra bổ sung các đề án khuyến công đợt 2, năm 2016; Thẩm định Đề án khuyến công quốc gia năm 2017.

- Tổ chức làm việc với các đơn vị tư vấn, thi công, UBND các huyện liên quan về giao tuyến và triển khai thực hiện gói thầu số 2 dự án điện nông thôn<sup>4</sup>; Tổ chức họp bàn thủ tục giải phóng mặt bằng dự án cấp điện xã Triệu Thượng, huyện Triệu Phong.

- Tham mưu UBND tỉnh ban hành Chỉ thị về việc tăng cường công tác kiểm tra, xử lý các hành vi vi phạm quy định về bảo vệ an toàn công trình lưới điện cao áp và an toàn điện trên địa bàn tỉnh; Làm việc với UBND các huyện về thực hiện nhiệm vụ bảo vệ an toàn công trình lưới điện cao áp trên địa bàn.

---

<sup>1</sup> Sở Xây dựng đã có báo cáo số 1322/BC-SXD ngày 26/10/2016 về thẩm định quy định quản lý theo đồ án Quy hoạch chung xây dựng Khu Kinh tế Đông Nam tỉnh Quảng Trị.

<sup>2</sup> Ngày 11/10/2016, Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt Đồ án Quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Đông Nam đến năm 2035.

<sup>3</sup> Đề tài "Điều tra, đánh giá năng lực sản xuất của các doanh nghiệp chế biến gỗ và đề xuất nhiệm vụ, giải pháp phát triển ngành công nghiệp sản xuất, chế biến gỗ trên địa bàn tỉnh đến năm 2025; "Khảo sát, đánh giá nhu cầu vận chuyển tiêu thụ hàng hóa của các doanh nghiệp (các mặt hàng chủ yếu) và đề xuất giải pháp phát triển dịch vụ logistics trên địa bàn tỉnh Quảng Trị

<sup>4</sup> Cấp điện nông thôn tại các xã Triệu Ái và Triệu Sơn, huyện Triệu Phong; xã Thuận, Húc và Ba Tầng huyện Hướng Hóa; xã Vĩnh Tân, huyện Vĩnh Linh; xã A Bung và Hải Phúc huyện Đakrông

- Hoàn chỉnh và tổ chức lấy ý kiến đối với Dự thảo Quy định chuyển đổi mô hình quản lý chợ; Quy chế phối hợp về Quản lý nhà nước đối với hoạt động bán hàng đa cấp trên địa bàn tỉnh.

- Tham mưu UBND tỉnh chỉ đạo tăng cường quản lý hoạt động bán hàng đa cấp; Khảo sát xây dựng trung tâm đầu mối nông sản của tỉnh; Tham gia Đoàn kiểm tra liên ngành đối với các cơ sở kinh doanh xăng dầu trên địa bàn tỉnh.

- Xây dựng kế hoạch hợp tác với 2 tỉnh Savannakhet và Salavan giai đoạn 2017 - 2019; Làm việc với Viện Mêkông về kế hoạch tổ chức Hội nghị đối thoại thúc đẩy thương mại qua biên giới giữa tỉnh Quảng Trị và tỉnh Savannakhet.

- Tiếp tục khảo sát và thu thập dữ liệu xây dựng Đề án phát triển xuất khẩu hàng hóa; Duy trì công thông tin điện tử xuất nhập khẩu của tỉnh; Tham dự Hội nghị kết nối cung cầu khu vực miền Trung - Tây Nguyên tại thành phố Đà Nẵng.

- Tổ chức lớp tập huấn về thương mại điện tử năm 2016; Triển khai tổ chức tư vấn, hỗ trợ doanh nghiệp tham gia và sử dụng giải pháp thương mại điện tử; Tổ chức nghiệm thu và thanh quyết toán hợp đồng xây dựng, nâng cấp website thuộc Chương trình phát triển thương mại điện tử tỉnh năm 2016.

- Báo cáo giải quyết các ý kiến, kiến nghị của cử tri theo yêu cầu của UBND tỉnh tại Công văn số 3575/UBND-TH ngày 07/9/2016; Báo cáo kết quả công tác theo dõi thi hành pháp luật và xử lý vi phạm hành chính năm 2016 của Sở.

- Thực hiện luân chuyển, chuyển đổi vị trí công tác và kiện toàn các chức danh lãnh đạo Văn phòng, phòng Quản lý thương mại, Thanh tra Sở, Trung tâm Khuyến công và xúc tiến thương mại; Làm việc thống nhất phương án bố trí trụ sở làm việc cho Đội Quản lý thị trường số 5, Chi cục Quản lý thị trường; Xây dựng và tổ chức lấy ý kiến đối với Dự thảo Quy định chức năng, nhiệm vụ các phòng, đơn vị thuộc Sở; Tổ chức Hội nghị lấy phiếu tín nhiệm bổ nhiệm lại chức danh lãnh đạo quản lý thuộc Sở.

- Tổng hợp số liệu thực trạng tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở; Rà soát, bổ sung điều chỉnh các nhiệm vụ UBND tỉnh, Bộ Công Thương vào Kế hoạch công tác trọng tâm quý IV năm 2016 của Sở.

- Báo cáo công tác chỉ đạo điều hành trong năm 2016 của Sở; Triển khai thực hiện lộ trình cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ cao năm 2016; Kiện toàn Ban chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn của Sở Công Thương.

- Chuẩn bị nội dung và làm việc với Chủ tịch UBND tỉnh về công tác chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm của Sở.

### **III. Một số công tác trọng tâm tháng 11 năm 2016**

- Tham mưu UBND tỉnh tổ chức công bố Quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Đông Nam Quảng Trị; Hoàn chỉnh Quy hoạch phân khu xây dựng khu vực hỗ trợ phát triển các dự án động lực thuộc Khu kinh tế Đông Nam Quảng Trị.

- Tham mưu UBND tỉnh điều chỉnh tên và quy mô Quy hoạch phân khu Khu vực hỗ trợ phát triển các dự án động lực thuộc khu Đông Nam Quảng Trị phù hợp với Quyết định phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ.

- Hoàn chỉnh, trình UBND tỉnh phê duyệt Quy hoạch thăm dò, khai thác, sử dụng khoáng sản tỉnh đến năm 2020; Tiếp tục phối hợp với tư vấn lập và hoàn chỉnh Quy hoạch Phát triển điện lực tỉnh giai đoạn đến 2025.

- Ký kết hợp đồng tư vấn triển khai lập Kế hoạch phòng ngừa ứng phó sự cố hóa chất cấp tỉnh; Hoàn chỉnh và trình UBND tỉnh ban hành Quy định phân cấp quản lý về an toàn thực phẩm thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở.

- Tiếp tục hỗ trợ nhà đầu tư hoàn thiện thủ tục đầu tư dự án Nhà máy nhiệt điện Quảng Trị 1 và các dự án đầu tư vào Khu Đông Nam.

- Tổ chức Đoàn liên ngành kiểm tra về kỹ thuật an toàn công nghiệp tại các doanh nghiệp sản xuất, chế biến thực phẩm thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở; Đoàn kiểm tra liên ngành kiểm tra tình hình bảo quản, vận chuyển và sử dụng vật liệu nổ công nghiệp trên địa bàn.

- Hoàn thành Đề tài "Xây dựng mô hình ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất sạch hơn trong công nghiệp trên địa bàn tỉnh"; Tổ chức Hội nghị về công tác phối hợp phát triển công nghiệp, làng nghề phục vụ CNH-HĐH nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh.

- Tiếp tục triển khai thực hiện và nghiệm thu các đề án khuyến công quốc gia và khuyến công tỉnh đợt 1, năm 2016; Tiếp tục đề xuất điều chỉnh các đề án khuyến công tỉnh đợt 2 năm 2016.

- Tham mưu UBND tỉnh ban hành và triển khai thực hiện Chỉ thị về bảo đảm an toàn công trình lưới điện cao áp và an toàn điện trên địa bàn tỉnh.

- Tiếp tục kiểm tra, đôn đốc các đơn vị, chính quyền địa phương liên quan về thực hiện xử lý vi phạm an toàn công trình lưới điện cao áp theo Quyết định số 1645/QĐ-UBND ngày 06/8/2016 của UBND tỉnh.

- Chuẩn bị nội dung tổ chức hội thảo "Vai trò cấp huyện trong công tác Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng"; Xây dựng Kế hoạch tổ chức ngày Quyền của người tiêu dùng Việt Nam năm 2017 của tỉnh.

- Chuẩn bị nội dung, làm việc với Bộ Công Thương về thực hiện Quy hoạch hệ thống cửa hàng xăng dầu dọc tuyến Quốc lộ 1 đến năm 2020; Tham mưu UBND tỉnh tăng cường công tác chấn chỉnh hoạt động thực hiện hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung.

- Hoàn chỉnh và trình UBND tỉnh ban hành Quy định chuyển đổi mô hình quản lý chợ; Quy chế phối hợp về Quản lý nhà nước đối với hoạt động bán hàng đa cấp trên địa bàn tỉnh.

- Khảo sát và thu thập dữ liệu xây dựng Đề án phát triển xuất khẩu hàng hóa; Triển khai thu thập dữ liệu xây dựng đề tài logistic; Tiếp tục hỗ trợ Viện Mekong triển khai dự án tại Quảng Trị.

- Triển khai tổ chức tư vấn, hỗ trợ doanh nghiệp tham gia và sử dụng giải pháp thương mại điện tử; Hỗ trợ doanh nghiệp xây dựng, nâng cấp website thương mại điện tử.

- Tổng hợp phiếu đánh giá các Đề án xúc tiến thương mại của tỉnh năm 2017 để trình Hội đồng thẩm định, phê duyệt; Báo cáo kết quả Đoàn kiểm tra hoạt động khuyến mại định kỳ 2016.

- Triển khai tổ chức thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật chuyên ngành về hoạt động điện lực; Xây dựng Kế hoạch thanh tra; kiểm tra năm 2017; Kế hoạch Phòng chống tham nhũng năm 2017.

- Giải quyết, giải trình ý kiến của cử tri trước kỳ họp thứ 2, Quốc hội Khóa XIV theo yêu cầu UBND tỉnh tại Công văn số 4446/UBND-TH ngày 24/10/2016.

- Chuẩn bị nội dung tổ chức kiểm tra công tác cải cách hành chính của Sở; Triển khai các hoạt động duy trì, đánh giá nội bộ hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2008.

- Triển khai dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 của Sở theo chỉ đạo UBND tỉnh tại Văn bản số 2564/UBND-VX ngày 05/7/2016.

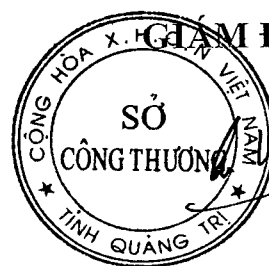
- Rà soát, công khai các quy định, thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Sở.

- Chuẩn bị báo cáo và tổ chức làm việc với Đoàn của Ban Nội chính Tỉnh ủy thực hiện Kế hoạch số 01-KH/BNCTU ngày 19/10/2016 về giám sát thực hiện Nghị quyết 01-NQ/TU ngày 15/4/2016 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh giai đoạn 2016-2020.

Trên đây là nội dung báo cáo tình hình công nghiệp - thương mại, công tác quản lý nhà nước của Sở trong tháng 10 năm 2016 và một số nhiệm vụ trọng tâm trong tháng 11 năm 2016; Sở Công Thương Quảng Trị báo cáo Bộ Công Thương, UBND tỉnh, các Sở, ban ngành liên quan./.

**Nơi nhận:**

- Văn phòng Bộ Công Thương;
- Cục CNĐP, Vụ KH-BCT;
- VP Tỉnh ủy; VP UBND tỉnh; VP UBND tỉnh (2b);
- PCT UBND tỉnh Nguyễn Quân Chính;
- Sở CT các tỉnh Bắc Trung bộ, miền Trung và Tây Nguyên;
- Sở KH & ĐT;
- Phòng Kinh tế- Hạ tầng các huyện, thị, thành phố;
- GD, các PGĐ Sở;
- Các Phòng thuộc Sở, TTKC, Chi cục QLTT;
- Lưu: VT, VP. *W*



**Lê Quang Vĩnh**



Đơn vị b/c: Sở Công Thương tỉnh Quảng Trị

Đơn vị nhận b/c: - UBND tỉnh Quảng Trị;

- Vụ Kế hoạch (BCT)

Biểu số 01/SCT-BCT

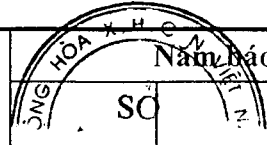
Ngày nhận b/c: Ngày 22 hàng tháng

**BÁO CÁO THỐNG KÊ CÔNG NGHIỆP - THƯƠNG MẠI**  
Tháng 10 năm 2016

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm báo cáo			Năm trước		Tỷ lệ (%)		
			Thực hiện tháng trước	Ước tính tháng báo cáo	Cộng dồn từ đầu năm đến cuối tháng báo cáo	Thực hiện tháng báo cáo	Cộng dồn từ đầu năm đến cuối tháng báo cáo	So với thực hiện tháng trước	So với thực hiện tháng cùng kỳ năm trước	So với cộng dồn cùng kỳ năm trước
A	B	C	1	2	3	4	5	6=2/1	7=2/4	8=3/5
<b>I</b>	<b>Sản lượng một số SP công nghiệp chủ yếu</b>	<b>Sản phẩm</b>								
1	Quặng Ilmenite và tinh quặng Ilmenite	Tấn	369,79	665,00	1942,79	596,00	8058,00	179,83%	111,58%	24,11%
2	Quặng zircon và tinh quặng zircon	Tấn	889,00	910,00	5084,00	849,00	5029,00	102,36%	107,18%	101,09%
3	Đá xây dựng	m <sup>3</sup>	63875	64300	667802	64134	659844	100,67%	100,26%	101,21%
4	Tinh bột sắn	Tấn	8775,47	8490,57	79218,87	8186,79	66037,74	96,75%	103,71%	119,96%
5	Bia dạng lon	1000 lít	1800,00	1810	14336,37	1481,00	12590,09	100,56%	122,21%	113,87%
6	Nước hoa quả, tăng lực	1000 lít	1006,56	990	9232,93	811,82	7974,92	98,35%	121,95%	115,77%
7	Gỗ cửa, gỗ xẻ	m <sup>3</sup>	12920	12019	79513	16890	82725	93,03%	71,16%	96,12%
8	Gỗ bào, gỗ dăm	Tấn	14,91	15,35	162,14	13,82	130,21	102,95%	111,07%	124,53%
9	Ván ép (gỗ MDF)	m <sup>3</sup>	16263	13500	105216	6874	63991	83,01%	196,39%	164,42%
10	Dầu nhựa thông	Tấn	118,61	120	1214,65	142,17	1408,65	101,17%	84,41%	86,23%
11	Colophan, axit nhựa cây và các dẫn xuất	Tấn	486,05	500	5911,16	757,80	6601,83	102,87%	65,98%	89,54%
12	Phân bón NPK	Tấn	3006	3100	28721	4729	38513	103,13%	65,55%	74,57%
13	Lốp xe các loại	1000 cái	134,84	145	1318,02	118,53	1092,61	107,53%	122,33%	120,63%
14	Săm xe các loại	1000 cái	369,80	370	3557,85	323,92	2804,55	100,05%	114,23%	126,86%
15	Gạch xây	1000 viên	12670	12960	130165	12835	129140	102,29%	100,97%	100,79%
16	Xi măng Protland đen	Tấn	19168	21500	236891	23690	252331	112,17%	90,76%	93,88%
17	Tấm lợp pro xi măng	1000 m <sup>2</sup>	607,69	654,32	5104,12	655,19	3891,36	107,67%	99,87%	131,17%
18	Điện sản xuất	Triệu Kwh	32,81	35	282,47	39	262	107,84%	90,20%	107,62%
19	Điện Thương phẩm	Triệu Kwh	49	49,00	451,19	40,29	401,15	100,45%	121,62%	112,47%

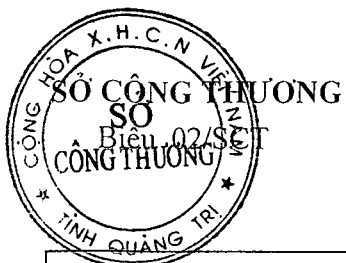
TT	Chi tiêu	Đơn vị tính	Năm báo cáo			Năm trước		Tỷ lệ (%)		
			Thực hiện tháng trước	Ước tính tháng báo cáo	Cộng dồn từ đầu năm đến cuối tháng báo cáo	Thực hiện tháng báo cáo	Cộng dồn từ đầu năm đến cuối tháng báo cáo	So với thực hiện tháng trước	So với thực hiện cùng kỳ năm trước	So với cộng dồn cùng kỳ năm trước
A	B	C	1	2	3	4	5	6=2/1	7=2/4	8=3/5
20	Nước uống được	1000 m3	1039	1050	9745,83	975,60	9346,05	101,08%	107,63%	104,28%
<b>III</b>	<b>Tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ</b>	<b>Tỷ đồng</b>								
*	<i>Theo ngành kinh tế</i>	<b>Tỷ đồng</b>	<b>1772,58</b>	<b>1813,02</b>	<b>17809,78</b>	<b>1719,00</b>	<b>16652,35</b>	<b>102,28%</b>	<b>105,47%</b>	<b>106,95%</b>
1	Tổng mức bán lẻ hàng hóa	"	1495,68	1532,47	15157,94	1447,90	14097,77	102,46%	105,84%	107,52%
2	Dịch vụ lưu trú và ăn uống	"	190,61	194,45	1853,81	189,47	1801,18	102,01%	102,63%	102,92%
3	Dịch vụ lữ hành và hoạt động hỗ trợ du lịch	"	1,50	1,20	28,58	1,18	27,97	80,13%	101,80%	102,16%
4	Dịch vụ khác	"	84,80	84,90	769,45	80,45	725,42	100,12%	105,54%	106,07%
	<b>Tổng mức bán lẻ hàng hóa</b>	Tỷ đồng	<b>1495,68</b>	<b>1532,47</b>	<b>15157,94</b>	<b>1447,90</b>	<b>14097,77</b>	<b>102,46%</b>	<b>105,84%</b>	<b>107,52%</b>
*	Trong đó:	Tỷ đồng								
1	Kinh tế Nhà nước	"	109,08	115,03	938,22	128,90	1065,91	105,46%	89,24%	88,02%
2	Kinh tế tập thể	"	0,05	0,04	0,65	0,04	0,81	78,46%	107,56%	80,53%
3	Kinh tế cá thể	"	995,67	1020,00	9349,23	919,34	8579,64	102,44%	110,95%	108,97%
4	Kinh tế tư nhân	"	390,88	397,39	4869,84	399,63	4451,41	101,67%	99,44%	109,40%
<b>III</b>	<b>Xuất khẩu (KH: 217 triệu USD)</b>	<b>Triệu USD</b>	<b>21,1229</b>	<b>23,458</b>	<b>187,24</b>	<b>23,302</b>	<b>176,934</b>	<b>111,05%</b>	<b>100,67%</b>	<b>105,83%</b>
	<i>Phân theo loại hình kinh tế</i>									
1,1	Kinh tế Nhà nước	"	10,455	11,369	82,635	3,102	22,139	108,74%	366,51%	373,26%
1,2	Kinh tế Tư nhân	"	10,001	10,279	97,327	19,492	146,991	102,78%	52,73%	66,21%
1,3	Kinh tế có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài	"	0,667	1,81	7,282	0,708	7,804	271,36%	255,65%	93,31%
	<i>Phân theo mặt hàng chủ yếu</i>									
1	Hàng thủy sản	"	-	-	-	-	-	-	-	-
2	Hàng rau quả	"	2,657	2,700	37,958	6,95	51,645	101,61%	38,85%	73,50%
3	Cà phê	"	-	-	2,814	-	1,709	-	-	164,66%
4	Sắn và các sản phẩm từ sắn	"	2,110	2,234	17,942	2,494	15,495	105,88%	89,57%	115,79%





TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm báo cáo			Năm trước		Tỷ lệ (%)		
			Thực hiện tháng trước	Ước tính tháng báo cáo	Cộng dồn từ đầu năm đến cuối tháng báo cáo	Thực hiện tháng báo cáo	Cộng dồn từ đầu năm đến cuối tháng báo cáo	So với thực hiện tháng trước	So với thực hiện cùng kỳ năm trước	So với cộng dồn cùng kỳ năm trước
A	B	C	1	2	3	4	5	6=2/1	7=2/4	8=3/5
5	Bánh kẹo và các sản phẩm từ ngũ cốc	"	0,490	0,505	6,340	0,333	6,902	103,06%	151,65%	91,86%
6	Quặng và khoáng sản khác	"	-	-	-	-	2,298	-	-	-
7	Phân bón các loại	"	0,051	0,081	2,072	0,055	2,267	160,55%	148,00%	91,40%
8	Sản phẩm từ chất dẻo	"	-	-	-	1,942	10,633	-	-	-
9	Cao su	"	1,847	1,857	4,831	3,235	8,879	100,51%	57,39%	54,40%
10	Gỗ	"	9,637	10,660	87,509	6,429	60,172	110,62%	165,81%	145,43%
11	Sắt thép	"	0,790	0,802	2,737	0,082	2,832	101,52%	978,05%	96,65%
12	Phương tiện vận tải và phụ tùng	"	0,667	1,810	7,282	0,708	1,223	271,36%	255,65%	595,42%
13	Điện	"	0,190	0,200	2,690	0,24	2,133	105,26%	83,33%	126,11%
14	Hàng hóa khác	"	2,484	2,590	14,976	0,363	1,223	104,27%	713,50%	1224,53%
<b>IV</b>	<b>Nhập khẩu (KH: 240 triệu USD)</b>	<b>Triệu USD</b>	<b>4,415</b>	<b>4,497</b>	<b>72,6531</b>	<b>30,337</b>	<b>168,058</b>	<b>101,86%</b>	<b>14,82%</b>	<b>43,23%</b>
	<i>Phân theo loại hình kinh tế</i>	"								
1	Kinh tế Nhà nước	"	0,388	0,25	3,37	0,295	2,95	64,43%	84,75%	114,07%
2	Kinh tế tư nhân	"	3,75	3,827	65,59	29,72	160,855	102,05%	12,88%	40,78%
3	Kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài	"	0,277	0,42	3,698	0,322	4,253	151,62%	130,43%	86,95%
	<i>Phân theo mặt hàng chủ yếu</i>	"								
1	Sữa và các sản phẩm từ sữa	"	-	-	-	0,333	2,497	-	-	-
2	Hàng rau	"	2,666	3,08	19,027	7,275	53,432	115,53%	42,34%	35,61%
3	Clanhke	"	0,017	0,011	0,047	0,005	0,093	64,71%	220,00%	50,54%
4	Chất dẻo (Plastic) nguyên liệu	"	0,093	-	0,416	0,066	1,627	-	-	25,57%
5	Cao su	"	-	-	-	-	1,723	-	-	-
6	Gỗ và các sản phẩm từ gỗ	"	0,086	0,105	20,176	22,033	101,839	122,09%	0,48%	19,81%

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm báo cáo			Năm trước		Tỷ lệ (%)		
			Thực hiện tháng trước	Ước tính tháng báo cáo	Cộng dồn từ đầu năm đến cuối tháng báo cáo	Thực hiện tháng báo cáo	Cộng dồn từ đầu năm đến cuối tháng báo cáo	So với thực hiện tháng trước	So với thực hiện tháng cùng kỳ năm trước	So với cộng dồn cùng kỳ năm trước
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>C</i>	<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>	<i>6=2/1</i>	<i>7=2/4</i>	<i>8=3/5</i>
7	Kim loại thường	"	-	-	-	0,07	0,872	-	-	-
8	Hàng hóa khác	"	1,663	1,654	13,392	0,551	4,809	99,46%	300,18%	278,48%



**CHỈ SỐ PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP**  
**Tháng 10/2016**

*Đơn vị: %*

Tên ngành	Chính thức tháng 9/2016		Tháng 10/2016			Chỉ số cộng dồn từ đầu năm đến cuối tháng 10/2016 so với tháng 10/2015
	So với tháng bình quân năm 2010	So với tháng 9 năm 2015	So với tháng bình quân năm 2010	So với tháng 9/2016	So với tháng 10/2015	
A	1	2	3	4	5	6
<b>Toàn ngành</b>	<b>208,37</b>	<b>117,02</b>	<b>202,32</b>	<b>98,44</b>	<b>105,14</b>	<b>109,31</b>
1. Công nghiệp khai khoáng	42,88	93,40	43,20	100,96	106,50	98,68
2. Công nghiệp chế biến, chế tạo	247,15	121,15	238,82	97,11	106,08	110,83
3. Sản xuất, phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí	65,53	109,22	69,09	105,39	96,64	107,40
4. Cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải	151,78	100,02	153,50	101,13	107,86	104,43